TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2026.
"V/v: Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Đức Hòa.
Bà Lê Thị Thận.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A – Đồng Nai.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Đồng Nai tham gia phiên toà*:** Bà Dương Hoài Thảo.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân Khu vực A – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 197/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2025, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998. (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn A, xã N, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Anh Mai Văn H1, sinh năm 1996. (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn A, xã N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:***

Chị và anh Mai Văn H1 tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2016, nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị và anh H1 chung sống được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gia đình, do không thống nhất được các công việc gia đình, ứng xử và thông cảm chia sẻ các công việc. Từ khoảng năm 2021 chị và anh H1 sống ly thân cho đến nay. Chị đi làm ở nhiều nơi không cố định, còn anh

Hậu sinh S tại xã N. Trong thời gian sống ly thân không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm và đều có nguyện vọng chấm dứt hôn nhân nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Chị và anh H1 có 01 con chung tên là Mai Thị Thủy T, sinh ngày 16/12/2016. Chị trực tiếp nuôi con từ khi sống ly thân cho đến nay. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Chị và anh H1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị không tiến hành các thủ tục hòa giải, phiên họp mà đưa ra xét xử theo quy định và xin được giải quyết vắng mặt.

**** Bị đơn anh** Mai Văn H1 **quá trình giải quyết vụ án trình bày:***

Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2016, nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Anh và chị H xảy ra mâu thuẫn gia đình trong khoảng năm 2021. Theo anh nguyên nhân là do không thống nhất được các công việc gia đình, ứng xử và thông cảm chia sẻ các công việc. Anh và chị H đã sống sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Anh nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên đồng ý thuận tình ly hôn với chị H.

Anh và chị H có 01 con chung là Mai Thị Thủy T, sinh ngày 16/12/2016. Anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng.

Anh và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Đồng Nai phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy các đương sự thống nhất được với nhau các vấn đề tranh chấp trong vụ án nhưng đều từ chối hòa giải và không tham gia phiên tòa, nên Tòa án không có cơ sở ghi nhận sự thỏa thuận các đương sự mà cần xét xử theo quy định, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Các bên tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N Giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 06/8/2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Các bên thừa nhận trong thời gian sống chung có xảy ra mâu thuẫn gia đình. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ khoảng năm 2021 nên đã đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân các bên không có thiện chí hàn gắn tình cảm và đều có nguyện vọng chấm dứt hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án các bên không tham gia hòa giải và cương quyết chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

- Về con chung: Các bên thừa nhận có 01 con chung là Mai Thị Thủy T, sinh ngày 16/12/2016; Chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ khi sống ly thân đến nay. Các bên đều thống nhất để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là không vi điều cấm của luật và đạo đức xã hội nên cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Các bên không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Mai Văn H1.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51 ngày 06/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã N)

2. Về con chung: Giao con chung Mai Thị Thủy T, sinh ngày 16/12/2016 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giao dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008409 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực A;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Nghĩa Trung;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS – Vp (SL: 10).

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình